

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thế Ứng.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05/5/1991; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và tờ tự khai đề ngày 29/7/2024, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (xã P, thị xã C), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi và anh P đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm

trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Hương T2 sinh ngày 07/7/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng/01 con/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P không có ý kiến và vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh P vắng mặt.*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Hoàng P, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh Nguyễn Hoàng P có địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (xã P, thị xã C), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa

Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Qua lời trình bày của chị T, cho thấy anh P đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân vợ chồng, vợ chồng ly thân không chung sống với nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh P là có căn cứ, cần ghi nhận cho chị T được ly hôn với anh P.

[5] Về con chung: Nhận thấy chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Hương T2 sinh ngày 07/7/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, do 02 con chung do chị T nuôi dưỡng chăm sóc, để không làm xáo trộn và ổn định cuộc sống, tâm lý cho các cháu, nên Hội đồng xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng có căn cứ và phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung được ổn định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ quy định của pháp luật về mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn thì mức cấp dưỡng được quy định không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, nguyên đơn cũng không chứng minh được mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động để áp dụng mức cấp dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và anh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, , 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên: 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Hương T2 sinh ngày 07/7/2011.

+ Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hoàng P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1 sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Hương T2 sinh ngày 07/7/2011, với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.930.000 đồng/cháu (Một triệu chín trăm ba chục ngàn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000583 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Ngọc T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng P được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy.
- UBND xã Phú Quý;
- Phòng Tư pháp thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp